

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/ 2019/DS-PT.

Ngày: 07/03/2019.

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương.

Bà Phạm Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Đức Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 07/03/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2018/TLPT-DS ngày 28/12/2018 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2019/QĐ-PT, ngày 28/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 28/2019/QĐ-PT ngày 25/02/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I.

Địa chỉ: Khu công nghiệp N, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Huy H - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn S – Cán bộ công ty. (Có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2017)

- Bị đơn: Ông Vũ Mạnh C, sinh năm 1965.

Địa chỉ: tổ B, ấp C, xã H, huyện N, Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thế P, sinh năm 1987. (Có mặt).

Địa chỉ: số M, đường H, phường Hòa Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2017)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Vũ Mạnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 23/8/2017, nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I và các ý kiến của người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Ngày 14/7/2005, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 492/HĐLĐ với ông Vũ Mạnh C.

Ngày 27/4/2009, Công ty có quyết định số 67/QĐ.CT điều động ông C đến nhận công tác tại phòng tiêu thụ sản phẩm và được phân công tiếp thị, bán hàng và thu hồi công nợ tại thị trường B, thực hiện bán hàng, chiết khấu cho khách hàng theo quy chế.

Công ty phát hiện ông C đã thu tiền của khách hàng nhưng không nộp lại công ty gồm các khoản như sau:

- + Công Ty TNHH H: 20.605.197 đồng.
- + Công Ty TNHH T: 25.000.000 đồng.
- + Công Ty TNHH N: 29.911.000 đồng.
- + Công Ty TNHH A: 18.514.904 đồng.
- + DNTN T: 5.889.505 đồng.
- + Công Ty cổ phần xây dựng T: 11.709.523 đồng.
- Tổng cộng: 111. 630.129 đồng.

Nguyên tắc tài chính: Ông C bán hàng thì ông C có trách nhiệm thu tiền về. Số tiền 80.096.021 đồng ông C thu về nhưng không nộp lại cho công ty, khách hàng xác nhận đã thanh toán số tiền 80.096.021 đồng cho ông C, về nguyên tắc nộp tiền về cho công ty thì công ty sẽ xuất phiếu thu.

Tại bản đối chiếu công nợ số 15/CT-TCKT ngày 15/01/2014 ông C ký xác nhận còn nợ công ty số tiền 80.096.021 đồng.

Đối với số tiền 71.477.607 đồng ông C khai trong thời gian bán hàng và quan hệ ông đã vay của một số khách hàng nhưng chưa được công ty quyết toán, Công ty có ý kiến như sau:

+ Tại biên bản làm việc ngày 30/11/2015 xác nhận số tiền 10.677.102 đồng công nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp do ông C phụ trách và chịu trách nhiệm, không phải số tiền công ty nợ ông C.

+ Số tiền lương từ lúc đối chiếu công nợ cho đến khi chấm dứt HĐLĐ thì công ty căn trừ nợ vào lương của ông C là 8.183.000 đồng.

+ Theo hợp đồng môi giới số 178 ngày 27/12/2010 của hợp đồng kinh tế số 174 ngày 27/12/2010 về mua bán gạch thành phẩm, công ty sẽ thanh toán tiền

môi giới với điều kiện bên mua gạch phải thanh toán hết nợ, số tiền môi giới là 24.336.000 đồng, nhưng hiện nay khách hàng còn nợ công ty số tiền làm tròn là 39.000.000 đồng. Vì vậy, ông C không được hưởng số tiền này.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I khởi kiện yêu cầu ông Vũ Mạnh C phải trả số tiền 80.096.021 đồng và tính lãi suất là 46.255.015 đồng, tổng cộng là 126.346.036 đồng.

- *Tại biên bản làm việc ngày 25 tháng 5 năm 2018, bị đơn ông Vũ Mạnh C trình bày và đại diện theo ủy quyền của bị đơn bổ sung tại hồ sơ:*

Ông làm việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I từ năm 1996, từ năm 2001 với vị trí nhân viên kinh doanh cho đến tháng 11/2015 thì công ty cho ông thôi việc.

Ông làm việc cho phòng kinh doanh của công ty, ông trực tiếp quan hệ khách hàng và báo cáo cho công ty. Được sự chấp thuận của công ty thì mới làm hợp đồng và công ty ký trực tiếp với khách hàng. Sau khi hai bên ký kết xong hợp đồng thì ông là người trực tiếp theo dõi công trình, cung cấp hàng, đối chiếu số lượng vào hóa đơn và thu hồi công nợ.

Quy trình thu hồi nợ: Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng, căn cứ vào nhu cầu của khách hàng và của công ty, nếu khách hàng hoặc công ty yêu cầu thu tiền mặt thì ông trực tiếp thu tiền mặt và nộp trực tiếp tiền thu được lại cho phòng kế toán của công ty trong ngày làm việc.

Trường hợp khách hàng hoặc công ty yêu cầu chuyển khoản thì ông có trách nhiệm đơn đốc khách hàng chuyển tiền vào tài khoản cho công ty.

Bản đối chiếu công nợ số 15/CT-TCKT ngày 15/01/2014 nội dung “cho đến ngày 31/12/2013 công ty I đã tạm ứng cho ông Vũ Mạnh C số tiền 80.096.021 đồng”. Ông xác nhận chữ ký và chữ viết Vũ Mạnh C tại bản đối chiếu công nợ là chữ ký và chữ viết của ông.

Theo đặc thù công việc, việc tìm khách hàng cho công ty, thu hồi công nợ cho công ty thì công ty có chính sách là chi phí bán hàng tùy thuộc vào độ khó, dễ theo từng hợp đồng và từng khu vực. Ông tự tìm nguồn tiền để thực hiện tốt công tác bán hàng và thu hồi nợ đúng hạn cho công ty nên đã chi số tiền 71.477.607 đồng theo báo cáo về việc công nợ chờ xử lý ngày 25/12/2014 chính là số tiền ông vay của khách hàng để chi cho chi phí bán hàng.

Để phục vụ cho đợt kiểm toán nhà nước nên công ty mới yêu cầu ông ký xác nhận đã ứng số tiền 80.096.911 đồng tại Bảng đối chiếu công nợ số 15/CT-TCKT ngày 15/01/2014. Thực tế ông nợ công ty số tiền 80.096.021 đồng tiền thu của khách hàng và công ty còn nợ ông số tiền 71.477.607 đồng là tiền chi phí phục vụ cho bán hàng và thu hồi công nợ.

Tại báo cáo về việc công nợ chờ xử lý ngày 25/12/2014 số nợ của ông là 71.477.607 đồng là số tiền ông vay của khách hàng, theo quy định công ty phải trả chi phí bán hàng cho ông để ông hoàn trả lại số nợ cho khách hàng nhưng công ty không trả cho ông nên khách hàng đòi nợ trực tiếp từ công ty.

Theo hợp đồng môi giới số 178 ngày 27/12/2010 của hợp đồng kinh tế số 174 ngày 27/12/2010 thì tiền hoa hồng ông được hưởng là 24.336.000 đồng nhưng công ty không chi số tiền này cho ông. Tính toán số tiền công ty còn nợ của ông là $71.477.607 \text{ đồng} + 24.336.000 \text{ đồng} = 95.843.607 \text{ đồng}$; Ông nợ công ty số tiền 80.096.911 đồng, cân trừ qua lại thì công ty còn nợ ông số tiền 15.746.696 đồng. Tuy nhiên, việc cân trừ nợ qua lại giữa số tiền công ty nợ ông và công ty trả nợ thay cho ông coi như đã xong.

Ngày 12/10/2015, công ty thông báo bằng văn bản cho ông nghỉ việc, ngày 13/11/2015 công ty ký Quyết định cho thôi việc đối với ông. Sau ngày 13/11/2015 thì ông nghỉ việc và không ký nhận bất kỳ giấy tờ gì từ công ty. Biên bản làm việc ngày 30/11/2015 xác nhận số tiền 10.677.102 đồng công nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp do ông phụ trách thì chữ ký không phải là của ông, tuy nhiên số tiền này nằm trong số tiền 71.477.607 đồng tại báo cáo về việc công nợ chờ xử lý ngày 25/12/2014 là đúng nên xác nhận số tiền này ông nợ công ty. Riêng tiền lương từ tháng 01/2014 đến tháng 3/2015 công ty cân trừ nợ đề nghị công ty kiểm tra lại. Ông không yêu cầu phản tố gì đối với công ty.

Tại bản án sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện N đã căn cứ Điều 26, 35, 147, 220, 227, 228, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I với bị đơn ông Vũ Mạnh C về “Tranh chấp đòi lại tài sản” đối với số tiền gốc 80.096.021 đồng.

Xử: Buộc ông Vũ Mạnh C phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I số tiền 80.096.021 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I với bị đơn ông Vũ Mạnh C về “Tranh chấp đòi lại tài sản” đối với số tiền lãi 46.255.015 đồng.

2. Về án phí: ông Vũ Mạnh C phải chịu số tiền 4.004.801 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I phải chịu số tiền 2.312.750 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I đã nộp 3.138.000 đồng theo biên lai thu số: 007562 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Trả lại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I số tiền dư là 825.250 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/9/2018, bị đơn ông Vũ Mạnh C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 47/2018/DS-ST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I, buộc ông Vũ Mạnh C phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I số tiền 80.096.021 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I đối với số tiền lãi 46.255.015 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Vũ Mạnh C trong hạn luật định, ông C đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I khởi kiện yêu cầu ông Vũ Mạnh C trả số tiền ông C bán hàng của công ty, đã thu của khách hàng 80.096.021 đồng nhưng không nộp lại công ty. Đây là tranh chấp về đòi lại tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Ông C là nhân viên kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I, ông C thực hiện theo quy chế bán hàng và quy định chiết khấu thanh toán bán hàng công ty. Số tiền 80.096.021 đồng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I khởi kiện yêu cầu ông Vũ Mạnh C trả là tiền ông C thu của khách hàng nhưng không nộp lại cho công ty. Tại bản đối chiếu công nợ số 15/CT-TCKT ngày 15/01/2014, ông C đã ký xác nhận còn nợ công ty số tiền này. Ông C thừa nhận và không phản đối là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 BLTTDS 2015.

Ông C yêu cầu xem xét khấu trừ các khoản tiền ông cho rằng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I còn nợ ông là 71.477.607 đồng ông vay của khách hàng, 24.336.000 đồng hoa hồng ông được hưởng theo hợp đồng môi giới số 178 ngày 27/12/2010 của hợp đồng kinh tế số 174 ngày 27/12/2010 và khoản tiền công ty trừ lương từ tháng 01/2014 đến tháng 3/2015. Tuy nhiên, các khoản tiền này không nằm trong số tiền công ty khởi kiện, không phải là tình

tiết chứng minh bù trừ nghĩa vụ mà thuộc trường hợp phản tố nhưng ông C không làm đơn yêu cầu phản tố và cung cấp tài liệu chứng cứ quy định tại Điều 72 và 91 BLTTDS 2015 nên không có cơ sở xem xét.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I, buộc ông Vũ Mạnh C phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I số tiền 80.096.021 đồng và phải chịu 4.004.801 đồng án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Mạnh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Mạnh C phải chịu 300.000 đồng.

[5] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I: Buộc ông Vũ Mạnh C phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I số tiền 80.096.021đ (Tám mươi triệu không trăm chín mươi sáu nghìn không trăm hai mươi một đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I với bị đơn ông Vũ Mạnh C đối với số tiền lãi 46.255.015 đồng.

3. Về án phí:

Ông Vũ Mạnh C phải chịu 4.004.801 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu số: 004249 ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, ông C còn phải nộp tiếp 4.004.801 đồng tiền án phí.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I phải chịu 2.312.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu I đã nộp 3.138.000 đồng theo biên lai thu số: 007562 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu

I số tiền tạm ứng án phí còn lại là 825.250đ (Tám trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;

- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;

- TAND huyện Nhơn Trạch;

- Đường sự;

- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Nhu

Phạm Thị Xuân Đào

Phan Thị Thu Hương

Nguyễn Bá Nhu